

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/DS-ST

Ngày: 11 - 11 - 2020

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Minh Cảnh và bà Nguyễn Ngọc Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 và Thông báo đòi ngày xét xử vụ án dân sự số 16/2020/TB-TA ngày 09 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 và bà Quách Thị L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Quách Thị L trình bày:

Vào năm 2004 vợ chồng ông T và bà L có cho bà T1 vay 15 chỉ vàng 24k (Loại vàng 9999), thỏa thuận thời hạn vay là 03 năm và lãi suất là 2,5 chỉ vàng 24k/03 năm. Sau 03 năm bà T không trả vốn và lãi nên hai bên thống nhất cộng dồn nợ lãi vào nợ gốc tổng cộng thành 17,5 chỉ vàng 24k. Vào năm 2007 bà T1 đã cầm cố 3,5 công đất tầm 03 mét cho vợ chồng bà L để trừ vào số nợ 17,5 chỉ vàng 24k và bà T1 thỏa thuận thuê đất lại số đất đã cố với giá 15 gia lúa/công. Kể từ thời điểm cố đất thì số vàng còn nợ là 17,5 chỉ vàng 24k trở thành vàng cố đất. Cho đến nay bà T không thực hiện trả vàng và không trả lúa thuê đất.

Trong nội dung khởi kiện ban đầu vợ chồng ông T và bà L yêu cầu hủy giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông T và bà L với bà T1, buộc bà T1 hoàn trả số vàng cố đất 17,5 (Mười bảy phẩy năm) chỉ vàng 24k loại vàng 9999 và yêu cầu trả số lúa thuê đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông T và bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà T1 phải hoàn trả số nợ vay là 15 chỉ vàng 24k và yêu cầu trả làm một lần.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án bà Nguyễn Thị T1 có ý kiến trình bày như sau:

Bà T1 không thừa nhận việc cầm cố đất giữa bà T1 và vợ chồng ông T1 và bà L1 vào năm 2007. Đối với chứng cứ là “Tờ cố đất” do vợ chồng bà L cung cấp cho Tòa án, tại Biên bản ghi lời khai ngày 26/12/2019 (BL số 28) bà T1 xác định giấy này do con của bà T1 tên là D viết nhưng không thừa nhận nội dung cầm cố đất giữa các bên mà cho rằng vào năm 2004 bà T1 có hỏi vay của vợ chồng ông T1 và bà L số vàng 15 chỉ vàng 24k, các bên thỏa thuận mỗi năm phải trả tiền lãi là 5.500.000 đồng. Bà T1 đã thực hiện trả lãi đến năm 2017 và đến nay còn nợ lại số nợ gốc là 15 chỉ vàng 24k. Nay bà T1 xác nhận có nợ của vợ chồng ông T và bà L 15 chỉ vàng 24k, tuy nhiên do đã đóng lãi

trong thời gian dài nên đề nghị vợ chồng ông T bà L giảm bớt số nợ và cho bà T1 trả nợ dần mỗi năm 02 chỉ vàng 24k.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Biên bản hòa giải của ấp K, xã Đ lập ngày 29/4/2019, Tờ cổ đất viết tay, Đơn yêu cầu ngày 26/02/2019, bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình của nguyên đơn.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có.

Chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản ghi lời khai của nguyên đơn, Biên bản ghi lời khai của bị đơn, Biên bản xác minh ngày 28/8/2020; Kết luận giám định số 794/KL-HTHS ngày 02/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Kiên Giang.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Về số nợ: Vợ chồng bà L, ông T và bà T1 xác định hiện nay bà T1 có nợ của vợ chồng bà L 15 chỉ vàng 24k.

Về thời hạn trả nợ: Các đương sự không thỏa thuận được thời gian trả nợ.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Xác định bị đơn nợ của nguyên đơn 15 chỉ vàng 24k, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T1 trả cho bà L và ông T 15 chỉ vàng 24k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng dân sự và các đương sự cùng có nơi cư trú trên địa bàn huyện A, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

Về quan hệ tranh chấp giữa các đương sự: Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng vay vàng . Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất với bị đơn, yêu cầu bị đơn trả số vàng cố đất và số lúa thuê đất. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng vay tài sản. Nhận thấy, việc thay đổi nội dung khởi kiện của các nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T và bà L khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả số nợ vay là 15 chỉ vàng 24k, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà T1 đều thừa nhận vào năm 2004 có hỏi vay của ông T và bà L 15 chỉ vàng 24k và đến nay chưa thực hiện trả số nợ này. Việc xác định số nợ của các đương sự còn phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại Biên bản hòa giải ngày 29/4/2019 do ban hòa giải ấp K, xã Đ lập. Như vậy, sự thừa nhận nợ của bà T1 đối với vợ chồng ông T và bà L là cơ sở để xác định việc bà T1 có nợ 15 chỉ vàng 24k của vợ chồng ông T và bà L là sự thật. Do bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên xác định yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông T và bà L là có căn cứ, cần buộc bà T1 phải hoàn trả cho ông T và bà L 15 chỉ vàng 24k là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bà T1 trình bày đối với số tiền lãi bà T1 đã trả cho vợ chồng ông T và bà L các bên không làm giấy tờ biên nhận gì và đến nay bà không có yêu cầu gì về số lãi đã trả, tuy nhiên đề nghị các nguyên đơn bớt một phần số nợ vì bà đã trả lãi trong thời gian dài và xin trả nợ dần mỗi năm 02 chỉ vàng 24k. Vợ chồng ông T và bà L không chấp nhận lời trình bày và lời đề nghị của bà T1 do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận đề nghị giảm nợ và trả nợ dần của bà T1.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí của vụ án: Tại thời điểm xét xử 01 chỉ vàng 24k có giá làm tròn là 5.400.000 đồng/01 chỉ. Như vậy án phí của vụ án là $(15 \text{ chỉ vàng } 24k \times 5.400.000 \text{ đồng/01 chỉ}) \times 5\% = 4.050.000 \text{ đồng}$.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Các nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng.

[5] Về chi phí trưng cầu giám định: Chi phí trưng cầu giám định chữ ký là 510.000 đồng. Các nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ tiền chi phí trưng cầu giám định và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 244, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Quách Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Quách Thị L 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24k loại vàng 9999. Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí vụ kiện: Bà Nguyễn Thị T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.050.000 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn T và bà Quách Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008243 ngày 11/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

3. Về chi phí trưng cầu giám định: Chi phí giám định chữ ký là 510.000 đồng (Năm trăm mười nghìn đồng). Các nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ tiền chi phí trưng cầu giám định và đã nộp xong.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 11/11/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thơm